TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 09-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Để và bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2024/TLST-DS ngày 13/5/2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXST-DS ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Châu Thị Bích L, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

2- Bị đơn: Anh Trịnh Việt B, sinh năm 1976 và chị Huỳnh Thị K, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Vợ chồng chị K và anh B có tham gia chơi hụi do chị L làm chủ hụi nhiều năm. Ngày 26/12/2021 âm lịch, chị L mở dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui hụi 01 lần, có 22 phần hụi, chị K và anh B tham gia 01 phần. Khui hụi lần đầu tiên vợ chồng chị K, anh B hốt hụi, chị L giao đủ số tiền 78.400.000 đồng. Chị K và anh B đóng hụi chết đến tháng 12/2022 thì ngưng không đóng nữa. Ngày 16/02/2022 âm lịch, chị L mở dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, có 26 phần hụi, chị K và anh B tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ hai thì chị K và anh B hốt hụi vào ngày

16/3/2022, chị L giao đủ số tiền 94.900.000 đồng. Chị K và anh B đóng hụi chết đến tháng 12/2022 thì ngưng không đóng nữa. Ngày 06/9/2022 âm lịch, chị L mở dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần hụi, chị K và anh B tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ hai thì chị K và anh B hốt hụi vào ngày 06/10/2022, chị L giao đủ số tiền 74.300.000 đồng. Chị K và anh B đóng hụi chết đến tháng 12/2022 thì ngưng không đóng nữa. Ngày 10/9/2022 âm lịch, chị L mở dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, có 22 phần hụi, chị K và anh B tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ nhất thì chị K và anh B hốt hụi vào ngày 10/9/2022, chị L giao đủ số tiền 79.400.000 đồng. Chị K và anh B đóng hụi chết đến tháng 12/2022 thì ngưng không đóng nữa.

Năm 2023 chị L có khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh B, chị K trả số tiền 301.000.000 đồng. Nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị L thấy số tiền hụi 165.000.000 đồng chưa đến kỳ đóng nên chị L rút yêu cầu phần này, chỉ yêu cầu 136.000.000 đồng. Tại bản án sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 Tòa án đã giải quyết phần tiền 136.000.000 đồng. Nay các dây hụi đều đã mãn, chị K và anh B phải trả số tiền hụi chết còn lại chưa giải quyết là 165.000.000 đồng, nhưng vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa, chị L yêu cầu chị K và anh B trả số tiền hụi còn lại chưa được giải quyết là 165.000.000 đồng.

- *Bị đơn là chị K và anh B có đơn xin vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa, nhưng tại phiên hòa giải chị K có trình bày:* Thừa nhận số tiền hụi còn nợ đến mãn là 301.000.000 đồng. Năm 2023 Tòa án đã giải quyết một phần 136.000.000 đồng, còn lại 165.000.000 đồng chưa giải quyết do hụi chưa đến kỳ đóng. Nay thống nhất trả số tiền còn lại 165.000.000 đồng nhưng xin cho trả dần hằng tháng.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền hụi còn lại chưa đóng là 165.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị L có tổ chức chơi hụi và làm chủ hụi, chị K và anh B có tham gia thành viên, nay xảy ra tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng không ai thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Anh B và chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B và chị K.

[2] Chị L và chị K thống nhất số nợ hụi vợ chồng chị K phải trả còn lại chưa được giải quyết là 165.000.000 đồng. Số tiền hụi còn nợ này anh B cũng có thừa nhận khi giải quyết tranh chấp năm 2023 nhưng chưa đến kỳ đóng hụi nên chị L đã rút yêu cầu, nay hụi đã mãn nhưng chị K và anh B vẫn không đóng hụi nên chị L khởi kiện yêu cầu trả nợ. Đây là tình tiết, sự kiện các bên thừa nhận nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị L không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận được thời gian thanh toán, cụ thể: Chị L yêu cầu trả một lần số tiền chị L đã góp thay chị K và anh B. Chị K cho rằng không có khả năng trả một lần, yêu cầu được trả hàng tháng.

Theo Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định trách nhiệm của thành viên không góp phần hụi như sau: Trường hợp đến kỳ góp hụi mà các thành viên không góp hụi hoặc góp không đầy đủ thì thành viên có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà chủ hụi đã góp thay cho thành viên và trả lãi đối với số tiền chậm góp hụi theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này. Các bên thống nhất chị L đã góp thay cho chị K và anh B số tiền 301.000.000 đồng, năm 2023 đã giải quyết 136.000.000 đồng, còn lại 165.000.000 đồng chưa giải quyết, nay chị Liên tiếp T khởi kiện, do đó chị K và anh B có nghĩa vụ trả lại cho chị L số tiền đã góp hụi thay. Lẽ ra chị K và anh B phải trả lãi theo quy định từ khi chị L góp hụi thay nhưng chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là:165.000.000 đồng x 5% = 8.250.000 đồng. Chị L không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 138, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, 17, 22, 24, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về *"họ, hụi, biêu,*

phường"; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Châu Thị Bích L đối với anh Trịnh Việt B và chị Huỳnh Thị K. Buộc anh B và chị Khôn C liên đới trả cho chị L số tiền hụi là 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

Anh Trịnh Việt B và chị Huỳnh Thị K phải chịu án phí sơ thẩm là 8.250.000 đồng (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Châu Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.125.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004943 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Nguyên đơn (chị L) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (anh B và chị K) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận